TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI** TỈNH QUẢNG BÌNH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 01 - 10 - 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông: Lê Hồng Sơn
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông: Dương Đức Bản.
Bà: Dương Thị Hồng Liên.
- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết Nga - Thư ký TAND thành phố Đồng Hới.

Ngày 01 tháng 10 năm 2020, tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 74/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2020 về việc "Ly hôn, tranh chấp vè nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/2020/QĐXX-HNGĐ ngày 27/8/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 63/QĐST-HNGĐ ngày 16/9/2020; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị L, sinh năm: 1998; nơi ĐKHKTT và cư trú: tổ dân phố x, phường B, TP. Đ, tỉnh Quảng Bình. Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* Anh Lại Thế N, sinh năm: 1983; nơi ĐKHKTT: tổ dân phố x, phường B, TP. Đ, tỉnh Quảng Bình; địa chỉ cần báo: Số 22 đường Đ, TDP y, phường N, TP. Đ, Quảng Bình. Vắng mặt tại phiên tòa lần thư hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** Trong đơn khởi kiện đề ngày 17/3/2020, bổ sung tại bản tự khai, lời khai - trong quá trình tố tụng và tại phiên toà, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L xây dựng gia đình với anh Lại Thế N có đăng ký kết hôn tại UBND phường N, TP. Đ, tỉnh Quảng Bình vào ngày 12/10/2016, trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu. Sau khi cưới vợ chồng được bố mẹ anh N cho nhà đất ở riêng tại Tổ dân phố x phường B. Quá trình sống chung vợ chồng hạnh phúc được gần hai năm thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh N mắc nghiện, thường xuyên tụ tập bạn bè chơi bời mà không chịu chú tâm làm ăn, không quan tâm đến vợ con gia đình, thường xuyên chửi bới nhục mạ chị L. Chị đã nhiều lần khuyên can anh N nhưng anh vẫn không thay đổi; anh N ngày càng dấn sâu vào nghiện ngập, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Anh N nhiều lần đánh đập, đuổi mẹ con chị ra khỏi nhà, nên chị L phải ra ngoài thuê nhà trọ sinh

sống, anh N cũng bỏ nhà về nhà bố mẹ sống, vợ chồng sống ly thân đã hai năm nay, không ai quan tâm đến ai, tình cảm vợ chồng không còn chị Nguyễn Thị L làm đơn xin được ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung cháu Lại Gia Â, sinh ngày 20/10/2016 hiện cháu đang với chị L, sau ly hôn chị xin được tiếp tục trực tiếp nuôi con mà không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không nợ ai và không cho ai vay nợ nên không yêu cầu giải quyết.

* Về bị đơn Lại Thế N, Toà án đã trực tiếp gửi thông báo thụ lý vụ án, nhiều lần triệu tập hợp lệ (giao trực tiếp, tống đạt qua người thân là mẹ anh Nam, gửi qua Bưu chính) đối với bị đơn đến Toà để giải quyết vụ án, anh N đều đã nhận được văn bản tố tụng nhưng anh N không gửi văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho Toà án và cố tình không đến Toà án theo giấy triệu tập nên Tòa án không thể lấy lời khai và không thể hòa giải được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả xét hỏi tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị L, đây là vụ án hôn nhân gia đình về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn có nơi cư trú tại TP. Đ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Xét quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Toà án đã làm đầy đủ các thủ tục tống đạt theo đúng quy định tại Điều 173 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn Lại Thế N đã nhận được tất cả văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh N đều vắng mặt trong quá trình điều tra, hoà giải và xét xử vụ án, tức là bị đơn cố tình từ bỏ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 68, 70, 72 của BLTTDS, đã được triệu tập hợp lệ đến phiên toà lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 điều 227, khoản 3 điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn Lại Thế N.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Lại Thế N xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cấp có thẩm quyền. Vì vậy, hôn nhân của hai người là hoàn toàn hợp pháp. Lẽ ra, anh chị phải biết thương yêu, chung thuỷ, nhường nhịn, tôn trọng nhau, cùng nhau chia sẻ khó khăn xây dựng gia đình hạnh phúc. Nhưng ngược lại, anh chị đã không làm được điều đó để giữ gìn hôn nhân bền vững. Nguyên nhân chủ yếu do vợ chồng thiếu sự chia sẻ trách nhiệm, chửi bới cải vã đánh đập nhau, mâu thuẫn kéo dài và ngày càng căng thẳng, vợ chồng sống ly thân và đã thực sự chấm dứt quan hệ đã 2 năm nay, không có trách nhiệm gì với nhau. Chị L xin ly hôn, anh Lại Thế N cũng bỏ mặc

không đến Tòa để được hòa giải và không có biện pháp gì để níu kéo hạnh phúc. Điều này chứng tỏ rằng mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng không thể khắc phục, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể sống chung hạnh phúc nên Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho vợ chồng ly hôn là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 01 con chung cháu Lại Gia Â, sinh ngày 20/10/2016 hiện cháu đang với chị L, sau ly hôn chị xin được tiếp tục trực tiếp nuôi con, chị đủ điều kiện nuôi con mà không yêu cầu anh N cấp dưỡng. Anh N không có ý kiến gì về việc nuôi con nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của chị Nguyễn Thị L giao cháu Â cho chị L được trực tiếp nuôi dưỡng mà không buộc anh N cấp dưỡng là hoàn toàn phù hợp quy định tại các điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung: Hai bên không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Lại Thế N.

2. Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 01 con chung cháu Lại Gia Â, sinh ngày 20/10/2016. Xử giao cháu Lại Gia Â cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom chăm sóc con chung; không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Toà giải quyết nên không xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn. Số tiền chị L phải nộp được khấu trừ từ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự TP. Đồng Hới theo biên lai số AA/2017/ 0006389 ngày 26 tháng 3 năm 2020.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên toà thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSND TP Đồng Hới;
- TAND Tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THA DS TP Đồng Hới;
- Các đương sự.
- Lưu án, Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lê Hồng Sơn